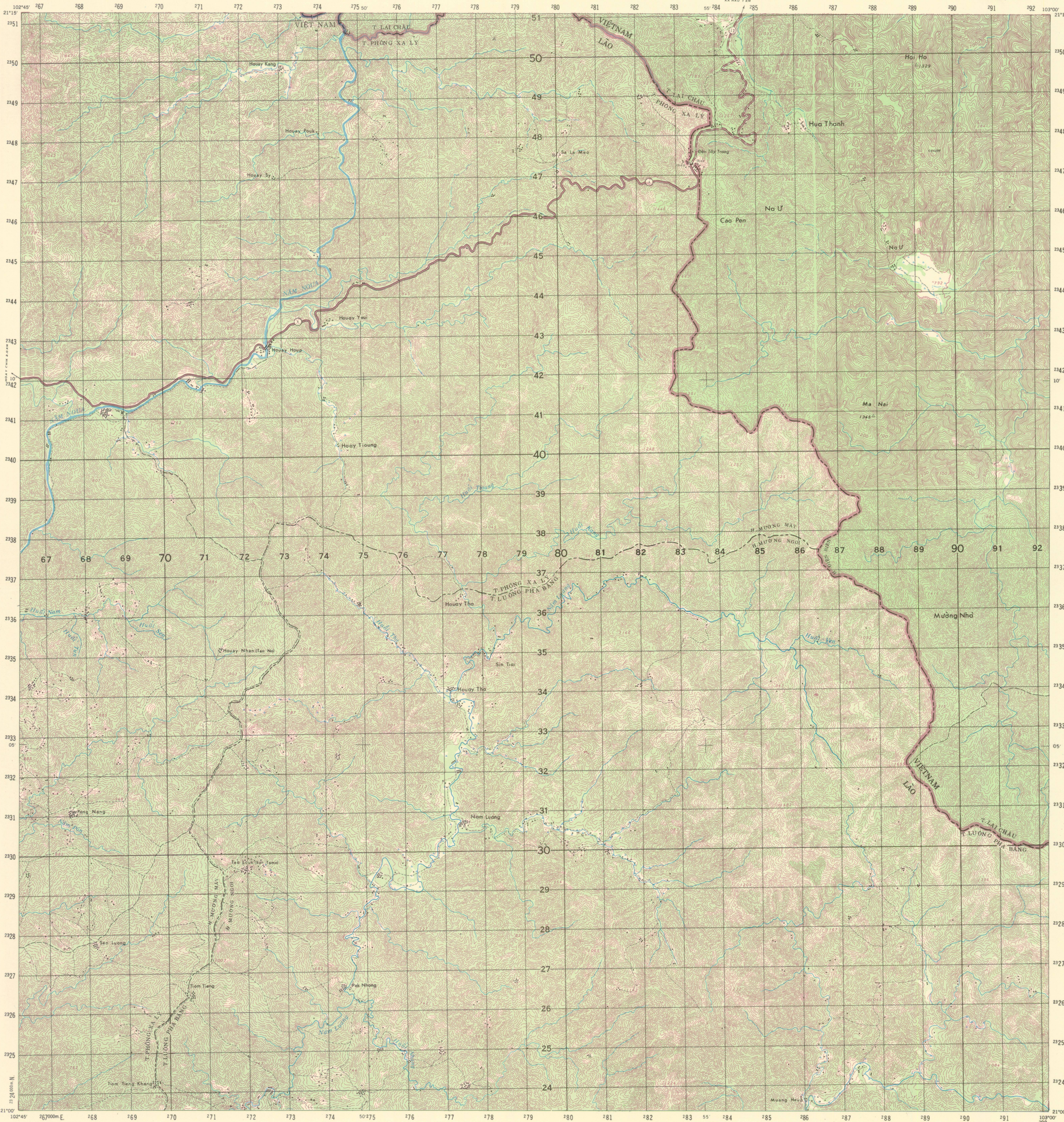




- Đường trục rải nhựa, đá, tên đường
- Đường nhánh rải nhựa, đá
- Đường đất, tên đường
- Đường đất nhỏ, đường mòn
- Đường sắt kép, ga, trạm
- Đường sắt đơn, đường gaông
- Tường, bờ đắp
- Cầu lớn, cầu nhỏ
- Phà, chèo lái qua đước

- Biên giới nước
- Ranh giới tỉnh
- Ranh giới huyện, quận
- Tỉnh lỵ, huyện lỵ
- Là cốt, chòm, núi, hang động
- Trạm vô tuyến, trạm khí tượng, hầm mỏ
- Nghĩa địa
- Đá cao, đá kiểm tra, chướng kiểm tra
- Sân bay, đường quanh năm, rừng mùa

- Thôn xóm, khu nhà chịu lửa
- Nhà thờ, trường, đồn, tàn tích
- Đền miếu, chùa, am
- Kênh, mương, đào, rừng dưới 18m, trên 18m
- Hồ ao có nước quanh năm, từng mùa
- Đập xây, đập đất
- Ghềnh chảy mạnh, thác lớn, thác nhỏ
- Rừng muối
- Bể nước, giếng, nguồn

1:50000

KHOẢNG CAO ĐỀU CỦA ĐƯỜNG BÌNH ĐỘ CƠ BẢN LÀ 20 M
ĐƯỜNG BÌNH ĐỘ NÉT ĐÚT VỀ PHONG CHỨNG
HỆ CHẾ ĐỘ NÉT ĐÚT VỀ PHONG CHỨNG
THỂ BẬC ĐƯỢC QUẢ ĐẤT... Ế VỀ RẾT
GỐC ĐẠI ĐỊA... ẮN ĐỘ 1960
GỐC ĐỘ CAO MẶT BIỂN TRUNG BÌNH PHONG CHỨNG

- Rừng già, rừng thưa
- Bụi rậm, đồn điền
- Chà, cà phê
- Cao su, cọ
- Thông, tre
- Đồi nước, bãi biển
- Đất có thể lỵ, đồng cỏ
- Rừng lùn, đồng lỵ
- Vùng đất với hay đá



0°46' (0-12, 0-14)
Trị số góc lệch nam châm đo năm 1965

BẢNG CHẤP		
5551 IV	5551 I	5551 IV
5551 III	5551 II	5551 III
5550 IV	5550 I	5550 IV

CỤC BẢN ĐỒ BỘ TỔNG THAM MƯU-Q.Đ.Đ. N. V.
In lần thứ hai năm 1982 theo 1:50 000 U.T.M.
In năm 1965
1-Chính tỷ theo 1:50 000 U.T.M. điều
tra thực địa năm 1980
Cấp đường theo 1:500 000 giao thông
in năm 1980

HUA THANH 5551 II